

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-ST

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Ngày: 19/4/2018

V/v: “Hôn nhân và gia đình”

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Đông

2. Ông Lê Văn Cảnh

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đăng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công KH vụ án thụ lý số: 103/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Danh Thị H, sinh năm: 1989; Địa chỉ: ấp Tam Phước, xã Đại Tâm, huyện M, tỉnh S.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm: 1984; Địa chỉ: ấp Trà Lây, xã Thuận Thuận Hưng, huyện M, tỉnh S.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam Châu Bình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2018 và các lời KH trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Danh Thị H trình bày:

Chị và bị đơn là anh Trần Văn T chung sống với nhau vào năm 2008 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 14/4/2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ vài tháng đầu và chị mang tH và sinh con vào năm 2009, chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Đến khi cháu bé được 06 tháng tuổi thì anh T bị bắt về tội giết người cướp tài sản, anh T phải chấp hành án phạt và cũng từ đó cho đến nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Trong quá trình chung sống chị và anh T có 01 con chung tên là Trần Mỹ Kiên, sinh ngày 27/6/2009. Từ khi anh T bị bắt và sống ly thân cho đến nay, chị là

người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn, chị có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: kể cả nợ phải thu và nợ phải trả: không có và chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 12/3/2018, bị đơn là anh Trần Văn T trình bày:

Anh và vợ anh sống chung và có đăng ký kết hôn vào năm 2008. Trong thời gian chung sống với nhau, cuộc sống hôn nhân giữa anh chị không có hạnh phúc. Vì vậy, anh đồng ý ly hôn với vợ anh. Về con chung và về tài sản chung: anh đồng ý theo yêu cầu của chị H.

Do anh đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Châu Bình, anh không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh, anh cam đoan không có khiếu nại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Anh Trần Văn T là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Danh Thị H và anh Trần Văn T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 14/4/2008, hôn nhân do tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh chị được coi là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Trong thời gian chung sống, cuộc sống vợ chồng của chị H và anh T hạnh phúc chỉ có thời gian ngắn. Đến năm 2009 thì anh T phải đi chấp hành án phạt tù tại trại giam Châu Bình nên vợ chồng anh T và chị H đã sống ly thân với nhau từ thời gian đó cho đến nay, không có thời gian đoàn tụ. Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh chị đã không có thời gian quan tâm chăm sóc với nhau như vợ như chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng vì chị H và anh T đã ly thân với nhau từ năm 2009 cho đến nay, không có thời gian đoàn tụ, chăm sóc lẫn nhau như vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, theo yêu cầu xin ly hôn của chị H, và anh T cũng đồng ý ly hôn với chị H nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T.

- *Về con chung:* Chị H và anh T có 01 con chung tên là Trần Mỹ Kiên, sinh ngày 27/6/2009. Hiện tại, cháu Mỹ Kiên đang sống chung với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị H và anh T sống ly thân cho đến nay chị H vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ, cháu vẫn phát triển bình thường. Do đó, không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết nên giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, để cháu được ổn định tâm lý

và việc học hành; anh T cũng đồng ý khi ly hôn giao con chung cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn vì hiện tại anh T đang phải chấp hành án phạt tù nên không thể giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng được. Mặt khác, cháu Mỹ Kiên đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Kiên theo quy định pháp luật thì cháu có yêu cầu được tiếp tục sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H về việc chị H được trực tiếp tiếp tục nuôi dưỡng cả H con chung chưa thành niên.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H, không trái với quy định pháp luật nên ghi nhận.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị H và anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị H phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Danh Thị H và anh Trần Văn T.

2. *Về con chung:* Chị Danh Thị H và anh Trần Văn T có 01 con chung tên là Trần Mỹ Kiên, sinh ngày 27/6/2009. Giao con chung chưa thành niên là cháu Trần Mỹ Kiên cho chị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con (Do chị H không có yêu cầu).

Anh Trần Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả H bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* Chị Danh Thị H và anh Trần Văn T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Chị Danh Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015333 ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trong thời hạn 15 ngày kể: Đối với nguyên đơn có mặt tại tòa thì kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn vắng mặt tại tòa thì kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy Ban nhân dân xã nơi cư trú của bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền